TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YB**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Thu
2. Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30-01-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 18-10-2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-12-2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/QĐST-HNGĐ ngày 11-01-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1985. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn VY, xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn S, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn VY, xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD.

Địa chỉ tạm trú và nơi ở hiện tại: Thôn NN, xã BĐ, HUYỆN TY, TỈNH YB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-9-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên toà, nguyên đơn Chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và Anh Đào Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, thị xã CL, tỉnh HDvào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Schơi bời, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện. Vợ chồng sống ly

thân từ 23/02/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Nxác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn Anh Đào Văn S.

Về con chung: Chị Trần Thị N và Anh Đào Văn S có một con chung là Đào Gia M, sinh ngày 27/12/2018, hiện con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị Ncó nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Gia M, không yêu cầu anh Scấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, xác minh tại địa phương cho biết Anh Đào Văn S đăng ký tạm trú và nơi ở hiện tại: Thôn NN, xã BĐ, HUYỆN TY, TỈNH YB.Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tuy nhiên bị đơn Anh Đào Văn S không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Svà Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên TY, tỉnh YB đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn Anh Đào Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Đào Gia M, sinh ngày 27/12/2018 cho Chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh Đào Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Anh Đào Văn S có địa chỉ và nơi ở hiện tại: Thôn NN, xã BĐ, HUYỆN TY, TỈNH YB nên yêu cầu ly hôn của Chị Trần Thị N thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB.

Bị đơn Anh Đào Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Chị Trần Thị N vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị N và Anh Đào Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, thị xã CL, tỉnh HDvào ngày 29/10/2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Schơi bời, không lo làm ăn, quan tâm, chăm sóc vợ con, chị Ncó khuyên bảo nhiều nhưng anh không thay đổi, chị đã nhờ cả hai bên gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ 23/02/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YB đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn anh Skhông đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Toà án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Nghiệp, anh Sđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho Chị Trần Thị N được ly hôn Anh Đào Văn S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị N và Anh Đào Văn S có một con chung là Đào Gia M, sinh ngày 27/12/2018. Ly hôn, chị Ncó nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Gia M, không yêu cầu anh Scấp dưỡng. Hiện nay cháu Đào Gia M đang ở với chị Nghiệp. Đồng thời anh Skhông đến Toà án và không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định cần tiếp tục giao cháu Đào Gia M cho Chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh Svắng mặt tại Tòa án, chị Ncũng không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Schưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị N phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn Anh Đào Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Gia M, sinh ngày 27/12/2018 cho Chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh Đào Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001999 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TY, TỈNH YB ngày 18-10-2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã Hưng Đạo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Phương